

Bản án số: 19/2018/HSST
Ngày: 30-01-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Vũ Minh Hoàng – Phó bí thư quận Đoàn Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Lại Thị Đắc – Cán bộ hưu trí Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Khá – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 368/2017/TLST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HS ngày 18/01/2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn K (tên gọi khác: Dẹo), sinh ngày 30/7/1999, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (HKTT: Số 450C/18A Đường D, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Ấp K, xã TK, huyện G, tỉnh A); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh L và bà Hồ Thị Thu H; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

2. Chung Hoàng L (tên gọi khác: L Mập), sinh ngày 23/9/2000, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (HKTT: Số 76/2/9 Đường C, phường AL, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Số 432/26 Đường D, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh S © và bà Chung Từ H ©; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/9/2017, có hành vi trộm cắp tài sản, ngày 12/12/2017, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 khởi tố bị can và ngày 26/12/2017 bị bắt, tạm giam. (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Chung Hoàng L: Bà Lê Thị Minh T, sinh năm: 1970; nơi cư trú: 181/42 Đường D, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Chung Hoàng L: Bà Lê Thị Ngọc N – Luật sư Văn phòng luật sư Trịnh Bá T, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

Người bị hại:

Bà: Lê Thị Ánh H, sinh năm: 1967; nơi cư trú: Số 290D/14/3P Đường D, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông: Trần Hoàng S, sinh năm: 1978; nơi cư trú: Số 45/7B Đường D, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

Người làm chứng:

Ông: Nguyễn Văn T. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn K và Chung Hoàng L có mối quan hệ bạn bè. Khoảng 13 giờ ngày 19/6/2017, khi L đang ngồi chơi game điện tử ở tiệm internet tại đường Đường D, Phường M, Quận T (không rõ số nhà) thì K đến rủ L đi tìm tài sản lấy trộm để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài và được L đồng ý. Khi L và K đi bộ đến trước nhà bà Lê Thị Ánh H (số 290D/14/3P Đường D, Phường M, Quận T) thì cả hai phát hiện cửa khóa ngoài, không có người trong nhà; nên L làm nhiệm vụ canh giới, còn K dùng cây kim loại lục giác mang theo bẻ ổ khóa, rồi K đột nhập vào nhà lấy trộm 01 chiếc ti vi hiệu ASANZO, màu đen, 32 inch. Sau đó, K mượn xe gắn máy (không rõ biển số) của Cúc (chưa xác định được lai lịch) rồi K và Cúc mang ti vi trộm cắp được bán cho ông Trần Hoàng S tại cửa hàng Sơn Trang (số 180 Đường D, Phường H, Quận T) với giá 1.400.000 đồng. Số tiền này L và K chia đôi mỗi người 700.000 đồng rồi sử dụng tiêu xài. Sau khi trộm cắp tài sản, K ném cây kim loại lục giác xuống sông KX, nên Công an Quận 8 không thu hồi được. Bị mất tài sản, bà H đến Công an Phường 1, Quận 8 trình báo. Qua điều tra, cơ quan Công an mời Chung Hoàng L lên làm việc, L giao nộp số tiền 250.000 đồng (là tiền còn lại từ việc chia tiền bán chiếc ti vi). Đến ngày 19/7/2017, Nguyễn K đến Công an Quận 8 đầu thú. Sau đó, hồ sơ vụ việc được chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 để điều tra làm rõ.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Nguyễn K và Chung Hoàng L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Lời khai của K và L phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Ngày 04/7/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8 kết luận: Giá trị còn lại của chiếc ti vi hiệu ASANZO là 2.100.000 đồng. Ngày 09/8/2017, Cơ quan

cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã trao trả chiếc ti vi trên cho bà Lê Thị Ánh H và bà Hồng không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với ông Trần Hoàng S, khi mua chiếc ti vi không biết là tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận 8 không xử lý.

Đối với đối tượng “Cúc” là người cùng Nguyễn K đem bán chiếc ti vi hiệu ASANZO, màu đen, 32 inch; nhưng không xác định được lai lịch, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận 8 không có căn cứ xử lý.

Bản cáo trạng số 353/CT-VKS ngày 27/11/2017, của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo: Nguyễn K, Chung Hoàng L về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị xử phạt mỗi bị cáo mức án tù 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù. Đồng thời không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo (do khi phạm tội các bị cáo là người chưa thành niên) và buộc các bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có (bị cáo L nộp lại 450.000 đồng, bị cáo K nộp lại 700.000 đồng). Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị không giải quyết về trách nhiệm dân sự (do người bị hại không có yêu cầu) và tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 250.000 đồng.

* Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Chung Hoàng L: Luật sư thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo Chung Hoàng L, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức án mà Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo L; nên không tranh luận. Ngoài ra, Luật sư còn phân tích thêm về hoàn cảnh gia đình, về nhân thân của bị cáo, nguyên nhân, động cơ và mục đích phạm tội của bị cáo. Từ đó, luật sư bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo Chung Hoàng L mức án khoan hồng, theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo Chung Hoàng L cùng người đại diện hợp pháp thống nhất với ý kiến của người bào chữa và không tranh luận, bào chữa bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm sát viên và người bào chữa: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người bào chữa đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn K và Chung Hoàng L đã khai nhận toàn bộ hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của người bị hại là bà Lê Thị Ánh H, vào khoảng hơn 13 giờ, ngày 19/6/2017, tại nhà số 290D/14/3P Đường D, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản chiếm đoạt là một chiếc ti vi hiệu ASANZO, màu đen, 32 inch; qua định giá là 2.100.000 đồng (thuộc trường hợp tài sản có giá trị từ trên

2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng). Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo Nguyễn K và Chung Hoàng L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[3] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng mang tính giản đơn, không có tính tổ chức chặt chẽ. Bị cáo K là người đề xướng, rủ rê; chuẩn bị trước công cụ phạm tội và cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, sau đó đem tài sản chiếm đoạt được đi tiêu thụ. Bị cáo L với vai trò đồng phạm giúp sức tích cực (cảnh giới). Do đó, Hội đồng xét xử cần cân nhắc vai trò đồng phạm cũng như tính chất, mức độ tham gia tội phạm của từng bị cáo theo quy định tại Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) khi quyết định hình phạt.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn K đã rủ rê, xúi giục bị cáo Chung Hoàng L (dưới 18 tuổi) phạm tội, nên thuộc trường hợp xúi giục người chưa thành niên (người dưới 18 tuổi) phạm tội, theo quy định tại điểm n Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo K.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Chung Hoàng L trong thời gian tại ngoại đã tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới, nên cũng cần lưu ý khi quyết định hình phạt.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về lỗi lầm đã gây ra; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại, nên gây thiệt hại không lớn; khi phạm tội là người chưa thành niên (người dưới 18 tuổi); bị cáo K sau khi phạm tội đã đầu thú; để từ đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho từng bị cáo một phần về hình phạt theo quy định tại các điểm: g, h, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điều 69, Điều 74 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[7] Bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với các bị cáo là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Chung Hoàng L là có cơ sở pháp luật, như Hội đồng xét xử đã phân tích; nên được chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì các bị cáo còn có thể bị phạt một số tiền nhất định, để tịch nộp ngân sách nhà nước. Nhưng xét thấy các bị cáo khi phạm tội là người chưa thành niên (người dưới 18 tuổi); nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác; cũng như đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu

cầu các bị cáo hoàn trả lại số tiền 1.400.000 đồng; tại phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ, nhưng đều vắng mặt; nên không xem xét giải quyết.

[11] Về vật chứng và số tiền thu lợi bất chính:

- Đối với công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh không thu hồi được, nên không có cơ sở xử lý;

- Đối với chiếc ti vi hiệu ASANZO, màu đen, 32 inch; cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã trả lại chủ sở hữu hợp pháp, là đúng theo quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 250.000 đồng do bị cáo Chung Hoàng L giao nộp, đây là tiền do phạm tội mà có, nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Về số tiền thu lợi bất chính: Các bị cáo khai nhận mỗi bị cáo hưởng lợi số tiền 700.000 đồng, mặc dù ông Trần Hoàng S không có yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại số tiền này; nhưng đây là tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có, nên cần buộc các bị cáo nộp lại để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước. Riêng bị cáo L đã tự nguyện nộp lại số tiền 250.000 đồng trong số tiền được chia hưởng lợi 700.000 đồng, nên còn phải nộp thêm số tiền 450.000 đồng.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Đối với ông Trần Hoàng S khi mua chiếc ti vi hiệu ASANZO, màu đen, 32 inch; không biết là tài sản do phạm tội mà có, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không xử lý là có căn cứ pháp luật.

[14] Đối với đối tượng “Cúc”, do không xác định được lai lịch, địa chỉ; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không xử lý là có căn cứ pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 138; điểm n Khoản 1 Điều 48; các điểm: g, h, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 69 và Điều 74 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn K (tên gọi khác: Dẹo) 08 (Tám) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 138; các điểm: g, h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 69 và Điều 74 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

2. Xử phạt: Bị cáo Chung Hoàng L (tên gọi khác: L Mập) 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 26/12/2017.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt phạt bổ sung đối với các bị cáo: Nguyễn K (tên gọi khác: Dẹo), Chung Hoàng L (tên gọi khác: L Mập).

- Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết.

- Về vật chứng và số tiền thu lợi bất chính: Căn cứ vào điểm b Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

+ Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi ngàn đồng).

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 02/PNK ngày 09/11/2017 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, TP.HCM và theo giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 09/11/2017 của Kho bạc nhà nước Quận 8, TP.HCM).

+ Buộc bị cáo Nguyễn K (tên gọi khác: Dẹo) nộp lại số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có là 700.000 đồng (Bảy trăm ngàn đồng) và bị cáo Chung Hoàng L (tên gọi khác: L Mập) nộp lại số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có là 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo: Nguyễn K (tên gọi khác: Dẹo), Chung Hoàng L (tên gọi khác: L Mập); mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các bị cáo, người bào chữa và người đại diện hợp pháp của bị cáo Chung Hoàng L (tên gọi khác: L Mập) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt; có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8;
- CQTHAHS Q.8; NTG CAQ.8;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Trúc